

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9- 2021

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 30/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thèn Thị C; sinh năm 1988. CMND số 073469654, Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 27/8/2019; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã M, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã M, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Thèn Thị C trình bày: Chị và anh Hoàng Văn V chung sống với nhau từ năm 2008, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 23/12/2014 chị và anh V mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Sau khi cưới chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn N, xã M, huyện Q, tỉnh Hà Giang, đến cuối năm 2010 thì làm nhà ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 6 - 7 năm nhưng đến năm 2014 khi chị đang mang thai đứa con thứ 3 thì chồng chị đi làm ăn xa nhà không bàn bạc gì với chị. Năm 2014 anh V về làm giấy

khai sinh cho con thứ 3 xong anh lại đi, không hề quan tâm đến mẹ con chị và cũng từ đó chị bỏ về gia đình nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn V, xã N, huyện Q để ở và làm ăn sinh sống, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ hôn nhân. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, có nứu kéo cũng không có hạnh phúc. Do vậy chị làm đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn V.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị sinh được 03 con chung là: Hoàng Thị O, sinh ngày 01/4/2009, Hoàng Thị C1, sinh ngày 06/10/2012, Hoàng Văn C2, sinh ngày 22/10/2014, hiện nay cháu O đang ở cùng chị, còn cháu C1 và cháu C2 đang ở cùng anh V và ông bà nội tại thôn N, xã M. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu O, còn anh V có trách nhiệm nuôi cháu C1 và cháu C2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Thèn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn V không gửi bản tự khai không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của chị C. Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Hoàng Văn V nhiều lần để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do và chị C cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các biên bản xác minh của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với bà Hoàng Thị Nương là mẹ đẻ của anh V, ông Mai Văn C3 là trưởng thôn N, xã M, ông Hoàng Ngọc T - Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã M, bà Hoàng Kim C – Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã M, ông Hoàng Thế D - Trưởng Công an xã M nơi anh V và chị C sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con và nơi cư trú của anh chị như sau:

Chị Thèn Thị C và anh Hoàng Văn V tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Q, tỉnh Hà Giang vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do mỗi người một tính cách khác nhau, không có sự tôn trọng, chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày, việc ai người ấy làm, anh V đi làm ăn xa nhà nhưng không bàn bạc với chị C, không có trách nhiệm với vợ con, hiện nay anh V không có mặt tại địa phương, còn làm ăn ở đâu thì thôn, xã không nắm được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống, anh chị có ba con chung là cháu Hoàng Thị O, sinh ngày 01/4/2009, Hoàng Thị C1, sinh ngày 06/10/2012, Hoàng Văn C2, sinh ngày 22/10/2014, hiện nay chị C đã đưa cháu O về sinh sống tại gia đình nhà ngoại ở xã N, còn cháu C1 và cháu C2 đang ở cùng ông bà nội tại xã M. Về điều kiện kinh tế thì anh V và chị C đều là lao động tự do nên khi giao con cho bố hay mẹ thì nên xem xét đến nguyện vọng của các cháu và anh chị đều phải có trách nhiệm đối với con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh chị không tạo lập được tài sản chung.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn chị vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn, còn về việc nuôi con, do anh V hiện nay không có mặt tại địa phương, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả ba cháu là Hoàng Thị O, Hoàng Thị C1 và Hoàng Văn C2, nếu khi nào anh V có mặt tại địa phương và có nguyện vọng nuôi con thì làm đơn xin thay đổi và chị hoàn toàn nhất trí, còn hiện nay chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thên Thị C được ly hôn anh Hoàng Văn V.

- Việc nuôi con: Giao cháu Hoàng Thị O, sinh ngày 01/4/2009, Hoàng Thị C1, sinh ngày 06/10/2012 và cháu Hoàng Văn C2, sinh ngày 22/10/2014 cho chị Thên Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Hoàng Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Thên Thị C có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn là anh Hoàng Văn V, anh Hoàng Văn V có nơi cư trú tại thôn N, xã M, huyện Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Thèn Thị C và anh Hoàng Văn V xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 06 năm đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mỗi người một tính cách khác nhau, không có sự tôn trọng, chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày, việc ai người ấy làm, anh V đi làm ăn xa nhà nhưng không bàn bạc với chị C, không có trách nhiệm với vợ con, hiện nay anh V không có mặt tại địa phương, còn làm ăn ở đâu thì chị cũng không biết, anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Hoàng Văn V không hợp tác để tham gia hòa giải. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Thèn Thị C được ly hôn anh Hoàng Văn V.

[4] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có ba con chung là Hoàng Thị O, sinh ngày 01/4/2009, Hoàng Thị C1, sinh ngày 06/10/2012 và Hoàng Văn C2, sinh ngày 22/10/2014. Khi ly hôn cháu Hoàng Thị O, Hoàng Thị C1 có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu C2 hiện nay chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án không lấy lời khai. Xét thấy anh V hiện nay đi làm ăn xa nhà, mặt khác khi Tòa án lấy lời khai thì cháu O và cháu C1 mong muốn được ở với chị C, qua trình giải quyết vụ án anh V không có mặt và không có ý kiến gì. HĐXX xét thấy nguyện vọng của các cháu xuất phát từ tình cảm, nhu cầu và lợi ích của các cháu, do vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao 03 con chung cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị C không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Hoàng Văn V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này.

[5] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thèn Thị C được ly hôn anh Hoàng Văn V.

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Hoàng Thị O, sinh ngày 01/4/2009, Hoàng Thị C1, sinh ngày 06/10/2012 và Hoàng Văn C2, sinh ngày 22/10/2014 cho chị Thèn Thị C trực tiếp trông nom, C sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Hoàng Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị C, anh V có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Thèn Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0003027, ngày 28/4/2021.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Quang Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung

